BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
VỤ KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO
Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện mục tiêu tăng trưởng, xuất khẩu và giải ngân vốn đầu tư công của ngành Nông nghiệp và Môi trường các tháng cuối năm 2026

(Hội nghị giao ban công tác quý III, triển khai nhiệm vụ trọng tâm quý IV năm 2026)

I. KẾT QUẢ NHỮNG THÁNG ĐẦU NĂM

Trong bối cảnh tình hình thế giới tiếp tục diễn biến nhanh, khó lường; cạnh tranh thương mại gay gắt; các tiêu chuẩn xanh, truy xuất nguồn gốc ngày càng khắt khe; thiên tai và biến đổi khí hậu diễn biến bất thường, ngành Nông nghiệp và Môi trường đã nỗ lực vượt qua nhiều khó khăn, duy trì đà tăng trưởng tích cực, góp phần giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an ninh lương thực quốc gia, các cân đối lớn và thúc đẩy phát triển bền vững. Đặc biệt, trước dự báo về những tác động đạt ngưỡng cực mạnh của El Nino 2026-2027 gây tác động đến nguồn nước, xâm nhập mặn, Bộ đã chủ động đánh giá và tham mưu kịp thời các kịch bản ứng phó nhằm đảm bảo nước sinh hoạt, nước phục vụ sản xuất, hoạt động phát triển kinh tế - xã hội trong những tháng cuối năm. Một số kết quả nổi bật như sau:

1. Tình hình thực hiện mục tiêu tăng trưởng, xuất khẩu của ngành

Năm 2026, ngành NN và MT được giao **15** chỉ tiêu. Dự kiến sẽ đạt, vượt hầu hết các chỉ tiêu chủ yếu. Trong đó có 02 chỉ tiêu lớn sau:

a) Tốc độ tăng trưởng GRDP nông lâm thủy sản: ***Cơ bản đáp ứng theo đúng kịch bản*** (***Quý III*** ước tăng ***4,1 – 4,2%*** cơ bản đáp ứng mục tiêu 4,15%).

b) Sản xuất và xuất khẩu NLTS tiếp tục là yếu tố đóng góp quan trọng trong phát triển kinh tế.

Sản xuất NLTS 9 tháng đầu năm ổn định, đạt kết quả tốt, bảo đảm nguồn cung lương thực, thực phẩm trong nước và xuất khẩu: ***Trồng trọt:*** Gieo cấy lúa Hè thu ước **1,86 triệu ha giảm 1,9%**, sản lượng thu hoạch **10,63 triệu tấn** tương đương cùng kỳ năm trước; lúa Mùa ước 1,34 triệu ha giảm 3,3%; lúa Thu Đông ước 474,1 nghìn ha, giảm 21,6%; ***Chăn nuôi*****:** Tổng đàn lợn ước tăng 5,4%; tổng số gia cầm ước tăng 3,1%; tổng số trâu ước giảm 6,4%; tổng số bò ước giảm 1,6%; ***Lâm nghiệp*****:** Diện tích rừng trồng mới tập trung **212,3 nghìn ha**, tăng 2,5%; sản lượng gỗ khai thác **18,9 triệu m^3**, tăng 5,3%; ***Thủy sản:*** Sản lượng ước đạt **7,9 triệu tấn**, tăng 3,9%; trong đó nuôi trồng 4,86 triệu tấn, tăng 5,9 %; khai thác 3 triệu tấn, tăng 0,9%.

Kim ngạch xuất khẩu NLTS 9 tháng đầu năm ước đạt **56,3 tỷ USD**, tăng **7,8%**, xuất siêu **16,9 tỷ USD** *(trong đó, tháng 9 ước đạt 6,5 tỷ USD tăng 5,7%)*; xuất khẩu sang các khu vực thị trường tiếp tục tăng trưởng tốt, Trung Quốc (thị phần

24,4%, tăng 18,9%), Hoa Kỳ (19,8%, tăng 1,2%) và Nhật Bản (7,4%, tăng 4,9%); đóng góp quan trọng vào cán cân thương mại và tăng trưởng chung của cả nước.

2. Tình hình giải ngân vốn đầu tư công

a) Kế hoạch năm 2026 và xây dựng kế hoạch năm 2027:

- Kế hoạch đầu tư công năm 2026 của Bộ là: (i) 9.699 tỷ đồng[1] vốn KH 2026 Thủ tướng chính phủ giao; (ii) 955 tỷ vốn Kế hoạch năm 2025 kéo dài sang năm 2026.

Bộ đã phân bổ 100% vốn cho các dự án và hoàn thành tiếp tục phân bổ theo nguồn vốn được bổ sung; điều chỉnh 5 lần Kế hoạch 2026[2] (riêng trong tháng 7 có 2 lần điều chỉnh[3]).

Lũy kế đến **08h ngày 29/9/2026** (theo CSDL MIC), tỷ lệ giải ngân ước đạt ***5.477 tỷ đồng, đạt 59,54%*** *vốn được giao (trong đó giải ngân vốn trong nước là 5.394 tỷ/8.055 tỷ đồng đạt 66,64%; Vốn vay nước ngoài là 83 tỷ/1.143 tỷ đạt 7,29%).*

- Dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2027 gửi Bộ Tài chính[4] (tổng nhu cầu nguồn NSTW khoảng **16.000 tỷ đồng**, tăng 65% so với vốn được giao năm 2026).

b) Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026-2030:

- Hướng dẫn, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án giai đoạn 2026-2030.

- Rà soát và hoàn thiện Kế hoạch ngành 5 năm 2026-2030 theo Kết luận số 1015-KL/ĐU ngày 08/9 của Ban Thường vụ để phê duyệt theo quy định. Theo đó, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026- 2030 của Bộ là 104.962 tỷ đồng (chưa kể vốn KHCN, ĐMST và CĐS).

- Chuẩn bị văn bản gửi Bộ Khoa học và Công nghệ về danh mục các dự án đầu tư công giai đoạn 2026-2030 lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM NHỮNG THÁNG CUỐI NĂM 2026

1. Tăng trưởng ngành:

a) Mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu: Toàn ngành NN và MT phấn đấu hoàn thành đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2026; trong đó:

- Tốc độ tăng GDP NLTS: Giữ vững mục tiêu tăng trưởng GDP khu vực NLTS cả năm đạt **4,0%** *(trong đó, nông nghiệp cần đạt khoảng 3,77%; lâm nghiệp*

---

[1] Được TTg CP giao từ đầu năm 6.699 tỷ tại VB 2691/QĐ-TTg ngày 10/12/2025; Bổ sung 500 tỷ tại QĐ 1174/QĐ-TTg ngày 30/6/2026; Bổ sung 2.500 tỷ tại QĐ 1342/QĐ-TTg ngày 217/2026

[2] Tại các quyết định: số 988/QĐ-BNNMT ngày 24/3/2026, số 2173/QĐ-BNNMT ngày 08/6/2026

[3] Quyết định số 2772/QĐ-BNNMT ngày 16/7/2026; Quyết định số 2898/QĐ-BNNMT ngày 27/7/2026

[4] Văn bản số 7480 /BNNMT-KHTC ngày 09/7/2026; Văn bản số 8200 /BNNMT-KHTC ngày 22/7/2026;

5,23%; thủy sản 5,12%; riêng giá trị sản xuất trồng trọt khoảng 2,93%, chăn nuôi khoảng 5,02%); theo kịch bản, quý III cần tăng khoảng 4,15%, 9 tháng tăng 4,05%, quý IV tăng khoảng 4,20%.

Trong những tháng cuối năm, cần tiếp tục tập trung theo dõi sát diễn biến thời tiết, sâu bệnh, tình hình dịch bệnh trên gia súc, gia cầm, chủ động xây dựng và triển khai các kịch bản ứng phó nhằm đảm bảo điều kiện sản xuất các nhóm ngành còn dư địa gia tăng sản xuất như rau màu, cây ăn quả; chăn nuôi lợn, gia cầm; duy trì đà tăng sản lượng tôm thẻ chân trắng, tôm sú và cá tra phục vụ chế biến, xuất khẩu; theo dõi sát diễn biến thị trường để chủ động các giải pháp ổn định về giá nguyên liệu đầu vào phục vụ sản xuất và giá thành sản phẩm.

- Kim ngạch xuất khẩu NLTS (mục tiêu cả năm 74,0 tỷ USD): 3 tháng cuối năm cần đạt **17,7** tỷ USD, trung bình mỗi tháng đạt khoảng 5,9 tỷ USD. Trong đó, ***(1) Nhóm rau quả đóng góp khoảng 2,5 tỷ USD*** *(tập trung cây có múi, cây ăn quả, rau vụ đông, hoa cây cảnh)*, đặc biệt ưu tiên tạo thuận lợi kiểm soát chất lượng, truy xuất nguồn gốc để thúc đẩy xuất khẩu mặt hàng sầu riêng ***(đóng góp khoảng 1,5 tỷ USD)*** sang thị trường Trung Quốc, góp phần tăng tỷ trọng ngành hàng rau quả; ***(2) Nhóm thủy sản khoảng 2,8 tỷ USD*** *(tập trung mặt hàng tôm)****, gỗ lâm sản khoảng 3,8 tỷ USD*** *(chủ yếu mây tre cói thảm)*: giữ vững thị phần 02 nhóm hàng quan trọng này tại thị trường chủ lực Hoa Kỳ, EU, Trung Quốc, bên cạnh đó gia tăng tiêu thụ mặt hàng thủy sản tại thị trường nội địa; ***(3) Nhóm nông sản, thực phẩm chế biến khác khoảng 6,1 tỷ USD*** *(gạo, cà phê, hạt điều, hồ tiêu)*: gia tăng thị phần sang các thị trường Trung Đông, Châu Phi; ***(4) Còn lại khoảng 2,5 tỷ USD*** cho nhóm các mặt hàng khác như: cao su, sản phẩm chăn nuôi, ngũ cốc và sản phẩm từ ngũ cốc,...

b) Nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp chủ yếu

- Nhiệm vụ: Phấn đấu hoàn thành 51 nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng đã giao tại các quyết định; *trong đó tập trung ưu tiên phát triển sản xuất kinh doanh, nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững, mở cửa thị trường, thúc đẩy xuất khẩu NLTS; hoàn thiện thể chế; rà soát cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính; xây dựng bộ máy tinh gọn, hiệu lực*; *quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường và chuyển đổi xanh.*

- Các giải pháp chủ yếu: Ưu tiên đẩy nhanh thực hiện các giải pháp trọng tâm trong những tháng cuối năm nhằm đạt tốc độ tăng trưởng Ngành và kế hoạch xuất khẩu NLTS theo mục tiêu năm 2026.

(1) Chỉ đạo sản xuất bám sát kịch bản tăng trưởng đến từng lĩnh vực, sản phẩm: Các Cục sản xuất và các đơn vị tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp để hoàn thành mục tiêu tăng trưởng của từng lĩnh vực và của toàn ngành; cập nhật thường xuyên sản lượng, giá trị, thị trường và các yếu tố tác động để kịp thời điều chỉnh; thực hiện quyết liệt các giải pháp gỡ cảnh báo "thẻ vàng" IUU.

(2) Đẩy mạnh tiêu thụ trong nước và xuất khẩu nông sản: Theo dõi sát từng thị trường, ngành hàng; tháo gỡ rào cản kỹ thuật, đẩy nhanh cấp mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói, truy xuất nguồn gốc; xử lý vướng mắc đối với các ngành hàng chủ lực.

(3) Chủ động phòng, chống thiên tai, bảo vệ trực tiếp kết quả sản xuất: Theo dõi sát diễn biến thời tiết, các cơn bão, áp thấp nhiệt đới có nguy cơ ảnh hưởng đến nước ta; chủ động triển khai quyết liệt, kịp thời, hiệu quả công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, không để bị động, bất ngờ. Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị về tăng cường chủ động phòng, chống, ứng phó với các loại hình thiên tai do ảnh hưởng của El Nino năm 2026-2027.

(4) Đẩy nhanh đầu tư công và Chương trình mục tiêu quốc gia: Phấn đấu giải ngân 100% kế hoạch vốn được giao. Kiện toàn Ban chỉ đạo TW Chương trình MTQG; đồng thời kiện toàn Văn phòng trước ngày 28/9; chuẩn bị các điều kiện tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2035 từ ngày 01/01/2027.

(5) Các lĩnh vực tài nguyên, môi trường phải đồng thời tạo điều kiện cho tăng trưởng và bảo đảm phát triển bền vững: Tập trung hoàn thiện các đề án, văn bản pháp luật, trình ban hành theo kế hoạch; giải quyết các điểm nghẽn về đất đai, khoáng sản, tài nguyên nước, môi trường có ảnh hưởng đến hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh. Đẩy nhanh các nhiệm vụ về cơ sở dữ liệu đất đai, phục hồi nguồn nước bị suy thoái; xử lý ô nhiễm không khí, lưu vực sông, làng nghề và khu vực nông thôn; bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường.

(6) Tiếp tục đẩy mạnh khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; hoàn thiện các cơ sở dữ liệu của ngành; ưu tiên tổ chức thực hiện hiệu quả, đúng tiến độ 06 định hướng của Bộ Chính trị và Chiến dịch "100 ngày" tháo gỡ các điểm nghẽn trong triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW.

2. Giải ngân vốn đầu tư công:

a) Thực hiện kế hoạch năm 2026, kế hoạch năm 2027

- Theo dõi sát sao tiến độ từng từng dự án; lập tiến độ giải ngân theo từng ngày, từng tuần; từng tháng; chủ động phát hiện, tháo gỡ kịp thời mọi khó khăn, vướng mắc phát sinh ngay từ cơ sở, quyết tâm cao nhất hoàn thành sớm nhất mục tiêu giải ngân 100% kế hoạch vốn được giao, tuyệt đối không để chậm trễ.

- Tiếp tục rà soát, điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2026 linh hoạt, kịp thời điều chuyển vốn nội bộ từ các dự án giải ngân chậm sang dự án giải ngân tốt và có nhu cầu bổ sung vốn theo quy định.

- Triển khai chấm điểm giải ngân vốn đầu tư công đối với các chủ đầu tư, đơn vị quản lý dự án.

- Hoàn thành phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2027.

b) Về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030

- Phối hợp Bộ Tài chính về rà soát, phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 cho các dự án chuyển tiếp của Bộ tại Nghị quyết số 27/2026/QH16 ngày 24/4/2026 số vốn còn lại là 4.043[5] tỷ đồng.

- Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ rà soát, tổng hợp, dự kiến phân bổ kế hoạch trung hạn lĩnh vực KH, CN, ĐMST và CĐS.

- Giao kế hoạch trung hạn 2026-2030 khi được Thủ tướng phân bổ chính thức./.

[5] Nghị quyết số 27/2026/QH16 ngày 24/4/2026 của Quốc hội đã giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2026 – 2030 cho các dự án chuyển tiếp của Bộ là 21.038 tỷ đồng; Quyết định số 1060/QĐ-TTg ngày 12/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ giao đợt 1 cho Bộ là 16.995 tỷ /21.038 tỷ đồng; còn lại 4.043 tỷ chưa phân bổ.